

CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI TOÀ ÁN

*Nguyễn Bích Thảo**

1. Đặc điểm pháp lý của các biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong hoạt động tư pháp, pháp luật quy định một số biện pháp mang tính cưỡng chế mà các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền áp dụng để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án cũng như bảo đảm cho việc thi hành án. Đó là các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; các biện pháp ngăn chặn và biện pháp đảm bảo thi hành án trong tố tụng hình sự.

Trong tố tụng dân sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời là biện pháp mà Toà án quyết định áp dụng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ bằng chứng hoặc để bảo đảm việc thi hành án¹.

Đặc điểm của các biện pháp khẩn cấp tạm thời thể hiện ngay trong chính tên gọi của nó: vừa mang tính "khẩn cấp" vừa mang tính "tạm thời". *Tính khẩn cấp* của biện pháp này thể hiện ở chỗ nhu cầu áp dụng biện pháp này là rất cấp bách; ngay khi có yêu cầu của đương sự, Toà án phải quyết định áp dụng ngay và quyết định đó phải được thi hành ngay, không chậm trễ, nếu không nó sẽ mất hết ý nghĩa, tác dụng. Còn *tính tạm thời* thể hiện ở chỗ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa phải là quyết định cuối cùng về giải quyết vụ việc dân sự, mà nó chỉ nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết vụ việc được thuận lợi hơn, hoặc để giải quyết nhu cầu cấp bách của đương sự, hoặc để bảo đảm cho việc thi hành án sau này nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Sau khi đã ra

quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Toà án có thể thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó. Một đặc điểm nữa của các biện pháp khẩn cấp tạm thời là *tính cưỡng chế thi hành*. Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay sau khi Toà án ra quyết định và được cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự.

Trong tố tụng hành chính, Toà án cũng áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ lợi ích cấp thiết của đương sự, bảo vệ bằng chứng, bảo đảm việc thi hành án. Tuy nhiên, khác với tố tụng dân sự, trong tố tụng hành chính, Toà án có thể tự mình quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Viện kiểm sát, hoặc theo yêu cầu của đương sự (Điều 33 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996, đã được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và 2006). Còn trong tố tụng dân sự, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chủ yếu là theo yêu cầu của đương sự, Toà án chỉ có thể tự mình quyết định áp dụng trong một số trường hợp cụ thể do luật định, Viện kiểm sát không có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà chỉ có quyền kiến nghị với Chánh án Toà án đang giải quyết vụ án về quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc về việc Thẩm phán không ra quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 99, 119, 124 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004). Điều này xuất phát từ quyền tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự có phạm vi rộng hơn so với trong tố tụng hành chính do sự khác nhau về bản chất của quan hệ pháp luật nội dung có tranh chấp: một bên là quan hệ pháp luật dân sự với bản chất tự nguyện, bình đẳng, tự do thoả thuận,

* Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam. NXB. Tư pháp. Hà Nội, 2005, tr. 177.

còn một bên là quan hệ pháp luật hành chính mang tính quyền lực nhà nước.

Trong thủ tục phá sản, Tòa án (cụ thể là Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản) cũng có quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đề nghị của tổ quản lý, thanh lý tài sản để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp cần thiết (Điều 55 Luật Phá sản 2004).

Trong tố tụng trọng tài, đương sự cũng có quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng Hội đồng Trọng tài không có quyền quyết định mà bên yêu cầu phải gửi đơn đến Tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng Trọng tài thụ lý vụ tranh chấp (Điều 33, 34 Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003).

Như vậy, cả trong thủ tục tư pháp và thủ tục tố tụng trọng tài, chỉ Tòa án mới có quyền quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Biện pháp khẩn cấp tạm thời khác với biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ bằng chứng, bảo đảm việc thi hành án; còn mục đích của biện pháp ngăn chặn là nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội, không để người phạm tội tiếp tục thực hiện tội phạm hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử cũng như bảo đảm cho việc thi hành án. Ngoài ra, các biện pháp khẩn cấp tạm thời còn khác với biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự về thẩm quyền áp dụng, về quyền yêu cầu áp dụng của đương sự, về tính chất tác động...

Ngoài các biện pháp ngăn chặn, trong tố tụng hình sự còn có một biện pháp bảo đảm thi hành án gần giống như biện pháp khẩn cấp tạm thời, đó là biện pháp kê biên tài sản. Tuy nhiên, khác với các biện pháp khẩn cấp tạm thời, kê biên tài sản trong tố tụng hình sự là một trong những biện pháp tiến hành điều tra, chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm vào tội mà Bộ luật Hình sự quy định có thể tịch thu tài sản hoặc phạt tiền cũng như đối với người phải chịu trách nhiệm bồi

thường thiệt hại trong vụ án hình sự (Điều 146 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003).

2. Ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Tòa án

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời có ý nghĩa quan trọng trong tố tụng dân sự, vì nó giải quyết được yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ và bảo đảm việc thi hành án. Ý nghĩa này càng được thể hiện rõ trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT tại Tòa án.

Trước hết, các biện pháp khẩn cấp tạm thời có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ quyền SHTT vì góp phần ngăn chặn được hành vi xâm phạm và hạn chế thiệt hại xảy ra. Trong khoảng thời gian từ khi khởi kiện vụ án dân sự đến khi phán quyết cuối cùng của Tòa án được đưa ra và có hiệu lực pháp luật (khoảng thời gian này có thể kéo dài một vài năm hoặc lâu hơn), chủ thể quyền SHTT có thể đã phải gánh chịu thiệt hại rất lớn do hành vi xâm phạm gây ra, bao gồm cả thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần, vì hành vi xâm phạm quyền SHTT thường có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn chỉ trong một thời gian ngắn và khó khắc phục hậu quả. Chẳng hạn, khi hàng hoá vi phạm quyền SHTT được đưa vào các kênh thương mại thì sẽ nhanh chóng gây tổn thất lớn về lợi nhuận cho chủ thể quyền SHTT, không những thế danh dự, uy tín của chủ thể đó cũng bị ảnh hưởng. Do đó, kể cả trong trường hợp Tòa án quyết định áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại để khôi phục quyền lợi cho chủ thể quyền thì cũng chưa chắc là một giải pháp thoả đáng, nếu như bị đơn không có tài sản để bồi thường; hơn nữa, việc tính toán chính xác, đầy đủ thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra hoàn toàn không đơn giản. Nếu hành vi xâm phạm được ngăn chặn ngay từ đầu thì vấn đề bồi thường thiệt hại có thể sẽ không phải đặt ra hoặc việc giải quyết vụ việc sẽ đỡ khó khăn hơn nhiều.

Thứ hai, các biện pháp khẩn cấp tạm thời có ý nghĩa về mặt tố tụng. Về phía Tòa án,

các biện pháp khẩn cấp tạm thời giúp bảo vệ chứng cứ và bảo đảm nguyên trạng cho tới khi xét xử chính thức vụ kiện, để duy trì một vị trí khiến công lý có thể được thực hiện dễ dàng nhất khi quyết định cuối cùng được đưa ra². Ngoài ra, một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đặc thù trong lĩnh vực SHTT còn giúp nguyên đơn tìm kiếm, thu thập chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Thứ ba, các biện pháp khẩn cấp tạm thời có ý nghĩa bảo đảm việc thi hành án. Bản án, quyết định của Tòa án sẽ trở nên vô nghĩa nếu như bị đơn không có tài sản nào để thi hành án. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn được việc bị đơn tẩu tán tài sản, giữ được tài sản để bảo đảm cho việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án sau này.

Thứ tư, các biện pháp khẩn cấp tạm thời còn có ý nghĩa về mặt kinh tế. Do mục đích hàng đầu của biện pháp khẩn cấp tạm thời trong lĩnh vực SHTT là ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền SHTT nên các biện pháp này hạn chế thiệt hại xảy ra cho chủ thể quyền SHTT nói riêng và cho cả nền kinh tế nói chung. Các nhà đầu tư sẽ yên tâm hơn khi đầu tư vào một quốc gia có hệ thống thực thi quyền SHTT hiệu quả, trong đó có Tòa án với các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu để ngăn chặn hành vi xâm phạm.

3. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT tại Tòa án ở một số nước trên thế giới

So với các nước đang phát triển, các nước phát triển có nhiều kinh nghiệm trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khi giải quyết tranh chấp về quyền SHTT và bảo vệ quyền SHTT.

Ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh - Mỹ có một số *biện pháp khẩn cấp tạm thời đặc thù* trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT:

Lệnh Anton Piller (lệnh tìm kiếm hay lệnh khám xét)

Lệnh này xuất phát từ nước Anh và được đặt tên theo tên nguyên đơn trong vụ án Anton Piller KG kiện Manufacturing Processes Limited (1976)³. Lệnh Anton Piller cho phép nguyên đơn và luật sư của nguyên đơn đến tìm kiếm và thu thập chứng cứ tại các cơ sở của bị đơn mà không thông báo trước (chẳng hạn như: tìm kiếm tài liệu, hàng hoá vi phạm; sao chép, chụp ảnh, lấy mẫu vật, ghi âm, ghi hình, thu thập thông tin từ hệ thống máy tính; thu giữ vật phẩm để bảo toàn chứng cứ). Mục đích của lệnh này là nhằm ngăn chặn bị đơn tiêu huỷ chứng cứ, tài liệu chứng minh bị đơn xâm phạm quyền của nguyên đơn.

Lệnh Anton Piller ra đời do thực tiễn xét xử các vụ án về SHTT cho thấy các biện pháp khẩn cấp tạm thời thông thường tỏ ra không mấy hiệu quả trong việc bảo vệ các quyền SHTT chống lại nguy cơ tiếp tục vi phạm, do những chứng cứ cần thiết để chứng minh cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng như chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án không phải luôn luôn sẵn có, hoặc không thể thu thập được thông qua các thủ tục thu thập chứng cứ thông thường; hơn nữa, bị đơn thường tìm cách cất giấu hoặc tiêu huỷ tài liệu vi phạm. Vì vậy, cần có các lệnh hiệu quả và tức thời để trợ giúp cho việc thu thập và bảo toàn chứng cứ; các lệnh này đã được các Tòa án ở Anh sáng tạo và áp dụng ngày càng phổ biến, đó chính là lệnh Anton Piller và lệnh này là một bước cần thiết trước khi áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác.

Do việc thực thi lệnh Anton Piller ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích của bị đơn và lệnh được đưa ra với sự vắng mặt của bị đơn (*ex parte*, tức là bị đơn không có cơ hội được triệu tập đến để trình bày ý kiến bảo vệ mình và phản đối lệnh đưa ra) nên việc áp dụng lệnh này phải tuân thủ các điều kiện hết sức nghiêm ngặt, chặt chẽ. Có 3 điều kiện cơ bản để áp dụng lệnh Anton Piller, đó là: (1) phải có chứng cứ rất thuyết phục về việc nguyên đơn có quyền được áp dụng lệnh

² WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use (Part Two), WIPO Geneva 2004, Second Edition, p.229.

³ http://en.wikipedia.org/wiki/Anton_Piller_order

này; (2) nguyên đơn phải chứng minh thiệt hại rất nghiêm trọng đang xảy ra hoặc rõ ràng có nguy cơ xảy ra đối với mình; (3) nguyên đơn phải có chứng cứ rõ ràng chứng minh rằng bị đơn có trong tay các chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi xâm phạm của bị đơn và có khả năng thực tế là bị đơn sẽ tiêu huỷ chứng cứ này⁴.

Lệnh Anton Piller được đánh giá là một lệnh tạm thời rất hiệu quả và được áp dụng khá phổ biến trong các vụ việc liên quan đến quyền SHTT, đặc biệt là ở các nước thuộc hệ thống common law. Gần đây, Thái Lan cũng đã bắt đầu áp dụng lệnh Anton Piller để hỗ trợ cho hoạt động xét xử các vụ án về SHTT. Theo Điều 28 Luật về thành lập Tòa án Sở hữu trí tuệ và Thương mại quốc tế (IPITC) của Thái Lan, trong các vụ án dân sự và hình sự, khi chứng cứ thật sự cần thiết cho việc chứng minh việc xâm phạm SHTT và việc xét xử có thể gặp khó khăn khi không có các chứng cứ này, xét thấy cần thiết, IPITC có thể cấp cho nguyên đơn lệnh khám xét⁵.

Lệnh cấm Mareva (lệnh phong tỏa tài sản)

Lệnh này được sử dụng không phải nhằm ngăn chặn bị đơn huỷ hoại chứng cứ như lệnh Anton Piller, mà nhằm hạn chế bị đơn trong việc định đoạt tài sản có thể được sử dụng để thoả mãn yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn. Tên của lệnh cấm Mareva được đặt theo tên nguyên đơn của vụ án Mareva Compania Naviera SA kiện International Bulkcarriers SA (1975) 2 Lloyd's Rep 509. Lệnh Mareva được thừa nhận ở nhiều nước thuộc hệ thống common law và lệnh này có thể có hiệu lực phong tỏa tài sản trên phạm vi toàn thế giới⁶.

Lệnh cấm Mareva cũng có ảnh hưởng lớn đến bị đơn vì lệnh này cũng được đưa ra với sự vắng mặt của bị đơn và thường đi kèm

với lệnh Anton Piller. Lệnh Mareva chỉ được đưa ra khi nguyên đơn chứng minh được rằng mình có nhiều khả năng thắng kiện và việc không áp dụng lệnh này sẽ dẫn đến một nguy cơ thực tế là bản án của Tòa án dù tuyên có lợi cho nguyên đơn cũng sẽ bị vô hiệu hoá vì không có tài sản để thi hành án.

Lệnh Norwich Pharmacal (lệnh bóc lột thông tin)

Lệnh này cũng xuất phát từ nước Anh, bắt nguồn từ vụ Norwich Pharmacal Co kiện Commissioners of Customs & Excise (1974) AC 133 HL⁷. Lệnh Norwich Pharmacal cho phép nguyên đơn trong vụ án SHTT có thể yêu cầu bị đơn hoặc bất cứ người thứ ba nào (không phải là người có hành vi xâm phạm quyền SHTT và thậm chí không biết đến những vi phạm đó) cung cấp những thông tin cần thiết cho việc xem xét vụ kiện về xâm phạm quyền SHTT. Người thứ ba trong trường hợp này có thể là bất cứ cá nhân, tổ chức, thậm chí là cơ quan chức năng của Nhà nước như hải quan, cơ quan thuế... nắm giữ thông tin cần thiết cho việc xem xét, đánh giá vi phạm tại Tòa án⁸. Bị đơn cũng có thể là đối tượng bị áp dụng lệnh Norwich Pharmacal, ví dụ: trong vụ án mà bị đơn có hành vi bán sản phẩm vi phạm quyền SHTT, Tòa án có thể ra lệnh buộc bị đơn phải tiết lộ tên và địa chỉ của các nhà cung cấp và khách hàng của bị đơn cùng với tất cả các tài liệu chứng minh việc bị đơn bán hàng hoá vi phạm.

Một điểm đặc biệt là lệnh Norwich Pharmacal có thể được đưa ra khi chưa có vụ án, chưa bắt đầu quá trình tố tụng, vì vậy còn được gọi là lệnh bóc lột tiền tố tụng (pre-action discovery)⁹. Việc yêu cầu áp dụng

⁷ Evolution or revolution: Norwich Pharmacal orders over the last 20 years. http://www.sjberwin.com/publication/practice/intellectual_property.

⁸ TS. Nguyễn Thị Quế Anh, Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền SHTT, trong sách "Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền". Chủ biên: TSKH. Lê Cẩm và TS. Nguyễn Ngọc Chí. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, tr. 455.

⁹ Discovery in intellectual property litigation. FICPI Conference, Venice 10/2004. www.ficpi.org/library/veniceForum/3_1_Allsop.pdf.

⁴ Anton Piller orders: A Powerful Tool to Protect Your Rights. <http://www.dgclex.com/documents/publications/Art-EL-200501-A.PDF>.

⁵ Hoàng Thị Quỳnh Chi và Nguyễn Quốc Việt, Về Tòa án sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế ở Thái Lan, Tạp chí Kiểm sát số Tết (02-2006), tr. 51.

⁶ http://en.wikipedia.org/wiki/Mareva_injunction.

lệnh Norwich Pharmacal có thể được tiến hành theo một thủ tục riêng, độc lập với vụ án về SHTT. Khi lệnh này được ban hành, bên thứ ba có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT phải cung cấp tài liệu cho biết danh tính của bên có hành vi xâm phạm để tạo điều kiện cho bên yêu cầu áp dụng lệnh này có thể khởi kiện bên xâm phạm ra Tòa án.

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên thường được áp dụng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp quyền SHTT ở Tòa án các nước common law. Còn ở các nước thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, Tòa án gặp nhiều khó khăn hơn trong việc yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ mà bị đơn nắm giữ; tuy nhiên một số nước cũng đã có giải pháp nhất định. Ví dụ, theo luật của Đức, nếu hành vi xâm phạm là rõ ràng và hiển nhiên, Tòa án có thể tiếp cận chứng cứ mà bị đơn kiểm soát thông qua việc ban hành lệnh tạm thời¹⁰.

Ở một số nước trên thế giới, pháp luật tố tụng dân sự coi việc Tòa án ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời là một thủ tục "cấp thẩm", theo đó, trong trường hợp quyết định này thoả mãn đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn và được bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thì quyết định đó được coi là phán quyết cuối cùng của Tòa án đối với vụ kiện¹¹.

Ở Trung Quốc, hiện nay đã có cơ chế áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời phù hợp với đòi hỏi của Hiệp định TRIPS. Pháp luật Trung Quốc đã quy định một hệ thống các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các vụ án SHTT. Chủ thể quyền SHTT có thể yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp này trước khi khởi kiện. Tòa án ra quyết định trong thời hạn 48 giờ sau khi nhận yêu cầu và các biện pháp này được thi hành không chậm trễ. Nếu người yêu cầu không thực hiện các thủ tục khởi kiện trong thời hạn nhất định sau khi Tòa án quyết định áp dụng các biện pháp

kể trên thì Tòa án sẽ huỷ bỏ áp dụng các biện pháp này¹².

Như vậy, nhiều nước trên thế giới đã áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT với nội dung và cách thức khác nhau, nhưng đều đem lại kết quả khả quan trong việc giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền SHTT.

4. Quy định của Hiệp định TRIPS và pháp luật Việt Nam về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT tại Tòa án

4.1. Quy định của Hiệp định TRIPS

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT (TRIPS) đã quy định một cách chi tiết, đầy đủ về thực thi quyền SHTT, trong đó các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định thành một mục riêng (Điều 50, Mục 3, Phần III).

Theo quy định của Hiệp định TRIPS, cơ quan có quyền ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là các cơ quan xét xử (Tòa án). Các biện pháp này phải được áp dụng một cách khẩn cấp và hữu hiệu nhằm hai mục đích chủ yếu sau đây: (1) nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm bất kỳ loại quyền SHTT nào, đặc biệt là nhằm ngăn chặn hàng hoá nhập khẩu vào các kênh thương mại thuộc phạm vi quyền hạn của mình ngay sau khi hoàn thành thủ tục hải quan; (2) nhằm bảo toàn các chứng cứ liên quan đến hành vi bị khiếu kiện là xâm phạm quyền SHTT.

Về trình tự áp dụng, do đặc thù của hành vi xâm phạm quyền SHTT nên Hiệp định TRIPS quy định các cơ quan xét xử có quyền ra lệnh áp dụng các biện pháp tạm thời trước khi nghe bị đơn trình bày ý kiến trong trường hợp cần thiết, đặc biệt và nếu bất kỳ một sự chậm trễ nào cũng có nguy cơ gây hậu quả không thể khắc phục được cho chủ thể quyền, hoặc nếu có thể thấy rằng chứng cứ có nguy cơ bị thủ tiêu. Quy định này cho thấy cơ quan xét xử có quyền hạn tương đối lớn trong việc

¹⁰ TS. Nguyễn Thanh Tâm, Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr. 209.

¹¹ TS. Nguyễn Thanh Tâm, Sđd, tr. 210.

¹² Jiang Zhipei, Judicial Remedy and Provisional Measures for IP Rights Protection in Civil Procedures in China, <http://www.chinainjrlaw.com/english/forum/forum29.htm>.

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm kịp thời bảo toàn chứng cứ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho chủ thể quyền.

Về nghĩa vụ của bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hiệp định TRIPS quy định người yêu cầu phải cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh mình là chủ thể quyền và quyền của người yêu cầu đang bị xâm phạm hoặc rõ ràng có nguy cơ bị xâm phạm. Đồng thời, nguyên đơn phải nộp một khoản bảo đảm để bảo vệ bị đơn và ngăn chặn sự lạm dụng yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong trường hợp cơ quan xét xử đã ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi nghe bị đơn trình bày ý kiến, thì bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được thông báo ngay, chậm nhất là sau khi thi hành các biện pháp đó. Trong một thời hạn hợp lý kể từ khi thông báo lệnh áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, căn cứ vào yêu cầu của bị đơn, lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được xem xét lại, trong đó có cả việc nghe bị đơn trình bày ý kiến để đi đến quyết định sửa đổi, hủy bỏ hoặc giữ nguyên các biện pháp đó.

Về thời hạn áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hiệp định TRIPS cũng quy định rất chặt chẽ. Do việc áp dụng các biện pháp này có ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích của bên bị áp dụng, nên không thể duy trì thời hạn áp dụng quá lâu. Để đảm bảo sự công bằng và hài hoà lợi ích giữa bên yêu cầu áp dụng và bên bị áp dụng, Hiệp định TRIPS quy định theo yêu cầu của bị đơn, các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng phải bị huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực dưới hình thức khác nếu thủ tục tố tụng để xét xử vụ việc không được tiến hành trong thời hạn hợp lý do cơ quan xét xử đã ra lệnh áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời ấn định. Nếu pháp luật của quốc gia thành viên không cho phép cơ quan đã ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ấn định thời hạn đưa vụ án ra xét xử như vậy thì thời hạn trên là không quá 20 ngày làm việc hoặc 31 ngày theo lịch, tính

theo thời hạn nào dài hơn. Quy định này cũng nhằm bảo đảm cho vụ án được giải quyết một cách nhanh chóng, kịp thời, tránh lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Hiệp định TRIPS còn quy định cụ thể trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nguyên đơn đối với bị đơn nếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời bị huỷ bỏ hoặc bị đình chỉ hiệu lực vì bất cứ hành vi hay thiếu sót nào của nguyên đơn, hoặc nếu sau đó thấy rằng quyền SHTT không bị vi phạm hoặc không có nguy cơ bị vi phạm và việc áp dụng biện pháp tạm thời đã gây ra thiệt hại cho bị đơn. Khi thoả mãn các điều kiện này và có yêu cầu của bị đơn thì cơ quan xét xử có quyền ra lệnh buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn khoản bồi thường thoả đáng mà không cần phải giải quyết trong một vụ án khác.

4.2. Các quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT tại Tòa án và mức độ tương thích so với các quy định của Hiệp định TRIPS

Hiện nay, các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004, Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định tại Chương VIII “Các biện pháp khẩn cấp tạm thời” của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật SHTT 2005. Về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT, Bộ luật Tố tụng Dân sự là luật chung (quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng trong mọi vụ án dân sự), còn Luật SHTT là luật chuyên ngành (quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng riêng trong vụ án về SHTT). Về nguyên tắc, luật chuyên ngành sẽ được áp dụng trước, trong trường hợp luật chuyên ngành không quy định cụ thể thì áp dụng luật chung.

So với Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật SHTT có những quy định riêng về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án về SHTT, đó là:

- Về điều kiện áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, khi khởi kiện hoặc sau

khi khởi kiện, chủ thể quyền SHTT có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các trường hợp: (1) đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền SHTT; (2) hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời. Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chủ thể quyền SHTT trước khi nghe ý kiến của bên bị áp dụng biện pháp đó.

- Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng trong vụ án về SHTT gồm: (1) các biện pháp áp dụng đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá đó, bao gồm: thu giữ; kê biên; niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; cấm chuyển dịch quyền sở hữu và (2) các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác được áp dụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Nghĩa vụ của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bao gồm: nghĩa vụ chứng minh quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; nghĩa vụ bồi thường thiệt hại gây ra cho người bị áp dụng biện pháp đó trong trường hợp người đó không xâm phạm quyền SHTT. Luật SHTT cũng quy định rõ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp khoản bảo đảm bằng một trong hai hình thức: a) Khoản tiền bằng 20% giá trị hàng hoá cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc tối thiểu 20 triệu đồng nếu không thể xác định được giá trị hàng hoá đó; b) Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác.

- Tòa án ra quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng trong các trường hợp quy định tại Điều 122 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và trong trường hợp người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chứng minh được việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ xác đáng. Trong trường hợp huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án phải xem xét để trả lại khoản

bảo đảm cho người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không có căn cứ xác đáng và gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Tòa án buộc người yêu cầu phải bồi thường thiệt hại.

Ngoài những quy định riêng nói trên, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án SHTT cũng phải tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 02/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Nhìn chung, các quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp quyền SHTT tại Tòa án tương đối phù hợp với quy định của Hiệp định TRIPS về điều kiện áp dụng, trình tự áp dụng, nghĩa vụ của bên yêu cầu áp dụng. Tuy nhiên, các quy định này còn một số bất cập sau đây:

Thứ nhất: pháp luật Việt Nam chưa quy định một số biện pháp khẩn cấp tạm thời mang tính đặc thù đối với vụ án về SHTT như lệnh tìm kiếm Anton Piller, lệnh bộc lộ Norwich Pharmacal là các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được áp dụng phổ biến ở nhiều nước.

Thứ hai: theo pháp luật hiện hành, các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ có thể được áp dụng khi khởi kiện hoặc sau khi khởi kiện, như vậy là chưa hoàn toàn tương thích với Hiệp định TRIPS. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có khả năng được áp dụng kể cả trước khi khởi kiện vụ án, bởi một yêu cầu tối quan trọng đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ việc liên quan đến quyền SHTT là phải đảm bảo tính khẩn cấp và kịp thời nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của hàng hoá vi phạm vào các kênh thương mại và bảo vệ chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm.

5. Một số kiến nghị

Từ những phân tích ở trên cho thấy các biện pháp khẩn cấp tạm thời có ý nghĩa rất

quan trọng trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT tại Toà án và đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng với kết quả khả quan, góp phần tích cực vào việc bảo vệ quyền SHTT. Ở các nước này, một trong những ưu thế của Toà án so với các phương thức giải quyết tranh chấp SHTT khác như thương lượng, hoà giải, trọng tài chính là hiệu lực, hiệu quả của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi tranh chấp phát sinh từ hành vi xâm phạm quyền SHTT. Còn ở Việt Nam những năm gần đây, trong khi số lượng các vụ tranh chấp và vi phạm về SHTT là khá lớn, lên tới hàng ngàn vụ việc mỗi năm thì số vụ tranh chấp SHTT được Toà án giải quyết lại rất ít ỏi. Có lẽ một trong nhiều nguyên nhân khiến cho các tổ chức, cá nhân không lựa chọn đưa tranh chấp SHTT ra Toà án giải quyết là do họ chưa thấy được điểm mạnh của Toà án, trong đó có các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Các Toà án nước ta có rất ít kinh nghiệm áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để thực thi quyền SHTT. Về phương diện pháp luật, mặc dù các quy định của pháp luật Việt Nam về các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã tương đối đầy đủ và phù hợp với Hiệp định TRIPS, song vẫn còn một số bất cập. Để các biện pháp khẩn cấp tạm thời thực sự phát huy tác dụng của nó trong việc giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền SHTT, chúng tôi có một số đề xuất sau đây:

Một là, nghiên cứu bổ sung một số biện pháp khẩn cấp tạm thời mang tính đặc thù đối với các vụ án về SHTT nhằm bảo vệ chứng cứ và tạo điều kiện thuận lợi cho nguyên đơn thu thập chứng cứ. Điều 116 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 đã mở ra cho Toà án khả năng áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác ngoài những biện pháp được nêu ra trong Bộ luật này (trong trường hợp pháp luật có quy định), vì vậy Luật SHTT 2005 với tư cách là luật chuyên ngành có thể quy định thêm các biện pháp khẩn cấp tạm thời đặc thù trong giải quyết tranh chấp về quyền SHTT với nội dung tương tự như lệnh Anton Piller, lệnh Norwich Pharmacal.

Hai là, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, để

đảm bảo tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, đặc biệt là Hiệp định TRIPS, cũng như để phù hợp với thông lệ các nước, cần quy định quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *trước khi khởi kiện*, trong đó quy định chặt chẽ trách nhiệm của Toà án và trách nhiệm của người yêu cầu áp dụng. Cụ thể là, người đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện phải có trách nhiệm khởi kiện vụ án trong một thời hạn nhất định, và phải có quy định hạn chế thời gian từ khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đến khi đưa vụ án ra xét xử theo tiêu chí mà Hiệp định TRIPS đã nêu ra, nhằm bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của chủ thể quyền SHTT và lợi ích của bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cũng như bảo đảm cho vụ án được giải quyết một cách nhanh chóng, tránh lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ba là, trong điều kiện tổ chức hệ thống tư pháp ở Việt Nam như hiện nay, cần tăng cường vai trò của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhất là khi bổ sung các biện pháp khẩn cấp tạm thời đặc thù trong lĩnh vực SHTT và quy định quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện, vì những thay đổi này có ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích của bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ của Thẩm phán trong việc giải quyết tranh chấp về quyền SHTT, trong đó có kỹ năng áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; thực hiện chuyên môn hoá đội ngũ Thẩm phán xét xử các vụ án về SHTT.

Năm là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về pháp luật SHTT (bao gồm cả pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng) cũng như về các thiết chế giải quyết tranh chấp, thực thi quyền SHTT, trong đó có Toà án để nâng cao nhận thức của xã hội về hoạt động bảo hộ quyền SHTT và vai trò của Toà án trong giải quyết tranh chấp quyền SHTT.